

**BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**
Chuyên ngành Tuyển khoáng. Ngành Kỹ thuật tuyển khoáng. Trình độ: Đại học

Bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng 4 đến tháng 5, Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của bộ môn Tuyển khoáng đã thực hiện việc nghiên cứu và chỉnh sửa chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển khoáng, các nội dung đã chỉnh sửa cụ thể như sau:

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo
1	Thay đổi vị trí hai học phần “Quản lý chất lượng sản phẩm - MHP: 4030420” 2TC và “Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng - MHP: 4030414” 2TC.	Để phù hợp với chuyên ngành Tuyển khoáng	Thực tế sử dụng lao động tại các nhà máy tuyển than và tuyển quặng.

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa				

3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa			

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH



PGS.TS. Phạm Văn Hòa

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung

Hà Nội, ngày 20 tháng 4, năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN,
CHUẨN ĐẦU RA**

Chuyên ngành Tuyển khoáng

(ngành: Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số 752060701)

Trình độ: Đại học

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa. Bộ môn: Tuyển khoáng báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế:
Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần của chuyên ngành Tuyển khoáng sau khi rà soát, điều chỉnh đã cập nhật, có tính hội nhập trong nước cũng như quốc tế.

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn:

Trong chương trình đào tạo hiện nay, có các học phần chưa phù hợp với mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Tuyển khoáng là:

+ Thay đổi vị trí hai học phần “Quản lý chất lượng sản phẩm - MHP: 4030420” 2TC và “Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng - MHP: 4030414” 2TC.

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo:

Thời lượng đào tạo của chương trình là 5 năm là phù hợp với khối lượng kiến thức được trang bị của người học.

- Đánh giá mức độ liên thông của chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các bậc học và các chuyên ngành trong cùng ngành Kỹ thuật tuyển khoáng.

2. Đề cương chi tiết học phần (tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp)

- Về mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của các học phần đưa ra là phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần:

Thời lượng cũng như nội dung kiến thức của các học phần được phân phối như hiện nay là tương đối phù hợp với mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên các nội dung kiến thức chuyên ngành cần được cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học kỹ thuật chuyên ngành cũng như các lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác.

- Tài liệu tham khảo:

Về cơ bản đáp ứng được yêu cầu về tài liệu phục vụ học tập cho các học phần. Tài liệu tham khảo cũng nên được cập nhật thường xuyên phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường:

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Tuyển khoáng hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển khoáng được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá của người sử dụng lao động nên cơ bản đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển khoáng tương đối phù hợp với thực tế sản xuất.
- Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo của chương trình đào tạo là phù hợp.
- Nên có nhiều học phần đồ án và thực hành để đáp ứng và cập nhật được các kiến thức thực tế cho sinh viên, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể nắm bắt được ngay các công việc được giao.
- Nên giảm khối lượng kiến thức đại cương để tăng khối lượng kiến thức chuyên ngành giúp trang bị cho sinh viên nhiều kiến thức chuyên ngành hơn, đáp ứng yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp.
- Nhà trường nên xây dựng các cơ sở thực tập, thực hành để có thể chủ động hơn trong quá trình bố trí thực tập, thực hành của sinh viên.

Phần III. Kiến nghị

Kiến nghị Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Đại học cho điều chỉnh các học phần:

+ Thay đổi vị trí hai học phần “Quản lý chất lượng sản phẩm - MHP: 4030420” 2TC và “Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng - MHP: 4030414” 2TC trong Chương trình đào tạo.

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH



PGS.TS. Phạm Văn Hòa

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung

**BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH TUYỂN KHOÁNG**

STT BẠC	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ	Tổ chức TC	Khoa phụ	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung
		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	167	LT TH ĐA TT LV					CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	167	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	54						Kiến thức giáo dục đại cương	54	
I.1		Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	48						Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	48	
1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	LLCT	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	LLCT	Nguyên lý CB của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	LLCT	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30 60 0 0 0	(2.0.4)	LLCT	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
5	4010601	Tiếng Anh PET1	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	NN	Ngoại ngữ	4010601	Tiếng Anh PET1	3	
6	4010602	Tiếng Anh PET2	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	NN	Ngoại ngữ	4010602	Tiếng Anh PET2	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	15 30 0 0 0	1 (1.0.2)	KHCB	Giáo dục thể chất	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	15 30 0 0 0	1 (1.0.2)	KHCB	Giáo dục thể chất	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	15 30 0 0 0	1 (1.0.2)	KHCB	Giáo dục thể chất	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	15 30 0 0 0	1 (1.0.2)	KHCB	Giáo dục thể chất	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	15 30 0 0 0	1 (1.0.2)	KHCB	Giáo dục thể chất	4010705	Giáo dục thể chất 5	2	
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	LLCT	Pháp luật	4020103	Pháp luật đại cương	3	
13	4010101	Đại số	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	KHCB	Toán	4010101	Đại số	4	
14	4010102	Giải tích 1	4	60 ## 0 0 0	4 (4.0.8)	KHCB	Toán	4010102	Giải tích 1	3	
15	4010103	Giải tích 2	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	KHCB	Toán	4010103	Giải tích 2	3	
16	4010201	Vật lý đại cương 1 + TN	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	KHCB	Lý	4010201	Vật lý đại cương 1 + TN	3	
17	4010202	Vật lý đại cương 2 + TN	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	KHCB	Lý	4010202	Vật lý đại cương 2 + TN	3	
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	KHCB	Hóa	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	
19	4080201	Tin học đại cương (dùng cho K. Thuật)	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	CNTT	Tin học cơ bản	4080201	Tin học đại cương (dùng cho K. Thuật)	3	
		Giáo dục quốc phòng	3			GDQP	Khoa giáo dục quốc phòng		Giáo dục quốc phòng	6	
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6						Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	2	
17	4010105	Xác suất thống kê	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	KHCB	Toán	4010105	Xác suất thống kê	2	
18	4010106	Phương pháp tính	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	KHCB	Toán	4010106	Phương pháp tính	2	
19	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	KHCB	Hóa	4010307	Cân bằng pha và hóa keo + TN	2	
20	4010309	Hóa hữu cơ phần 1	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	KHCB	Hóa	4010309	Hóa hữu cơ phần 1	28	
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	28						Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	2	
21	4010401	Hình họa hình	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	KHCB	Hình họa	4010401	Hình họa hình	2	
22	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	KHCB	Hình họa	4010402	Vẽ kỹ thuật	3	
23	4010501	Cơ học lý thuyết 1	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	KHCB	Cơ lý thuyết	4010501	Cơ học lý thuyết 1	4	
24	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL, 2 + TN	4	60 ## 0 0 0	4 (4.0.8)	Mô	Sức bền vật liệu	4030503	Sức bền vật liệu A + BTL, 2 + TN	2	
25	4040102	Địa chất cơ sở	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	DC	Địa chất	4040102	Địa chất cơ sở	3	
26	4030356	Cơ học máy	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	XD	Xây dựng CTN & Mô	4030356	Cơ học máy	3	
27	4090403	Cơ học máy	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	CD	Kỹ thuật Cơ khí	4090403	Cơ học máy	2	
28	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	
29	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	CD	Điện khí hóa	4090126	Cơ sở cung cấp điện	2	
30	4090413	Thủy lực cơ sở B	2	30 60 0 0 0	2 (2.0.4)	CD	Kỹ thuật Cơ khí	4090413	Thủy lực cơ sở B	3	
31	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	45 90 0 0 0	3 (3.0.6)	CD	Kỹ thuật điện - điện tử	4090342	Kỹ thuật điện - điện tử	3	

32	4090539	Máy thủy khí	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	CD	Máy và thiết bị Mỏ	4090539	Máy thủy khí	2	
III		Kiến thức giáo dục chuyên ngành	70										Kiến thức giáo dục chuyên ngành	70	
III.1		Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	54										Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc	54	
III.1.1		Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	15										Kiến thức bổ trợ chuyên ngành	15	
33	4010305	Hóa phân tích phần 1 + TN	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB	Hóa	4010305	Hóa phân tích phần 1 + TN	3	
34	4040313	Tính thể học - khoáng vật đại cương	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	ĐC	Khoáng thạch	4040313	Tính thể học - khoáng vật đại cương	2	
35	4090411	Đồ án cơ học máy	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	CD	Kỹ thuật Cơ khí	4090411	Đồ án cơ học máy	3	
36	4090545	Vận tải và kho chứa	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	CD	Máy và thiết bị Mỏ	4090545	Vận tải và kho chứa	3	
37	4030413	Tiếng anh chuyên ngành tuyển khoáng	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030413	Tiếng anh chuyên ngành tuyển khoáng	2	
38	4030412	Tin học chuyên ngành tuyển khoáng	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030412	Tin học chuyên ngành tuyển khoáng	4	
III.1.2		Kiến thức chuyên ngành	31										Kiến thức chuyên ngành	31	
39	4030401	Chuẩn bị khoáng sản	4	60	##	0	0	0	4(4.0.8)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030401	Chuẩn bị khoáng sản	1	
40	4030425	Đồ án chuẩn bị khoáng sản	1	0	0	45	0	0	1(0.0.3)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030425	Đồ án chuẩn bị khoáng sản	4	
41	4030402	Tuyển trọng lực	4	60	##	0	0	0	4(4.0.8)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030402	Tuyển trọng lực	1	
42	4030426	Đồ án tuyển trọng lực	2	30	60	0	0	0	3(3.0.6)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030426	Đồ án tuyển trọng lực	2	
43	4030403	Tuyển từ - tuyển điện	3	45	90	0	0	0	1(0.0.3)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030403	Tuyển từ - tuyển điện	3	
44	4030404	Tuyển nổi	1	0	0	45	0	0	1(0.0.3)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030404	Tuyển nổi	1	
45	4030427	Đồ án tuyển nổi	2	30	60	0	0	0	3(3.0.6)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030427	Đồ án tuyển nổi	2	
46	4030408	Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật	3	45	90	0	0	0	1(0.0.3)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030408	Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật	2	
47	4030406	Khử nước khử bụi	1	0	0	45	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030406	Khử nước khử bụi	3	
48	4030410	Thiết kế xường tuyển	2	30	60	0	0	0	3(3.0.6)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030410	Thiết kế xường tuyển	2	
49	4030411	Nghiên cứu tính khả tuyển	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030411	Nghiên cứu tính khả tuyển	2	
50	4030423	An toàn và vệ sinh lao động lao động	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030423	An toàn và vệ sinh lao động lao động	2	
51	4030428	Thi nghiệm tuyển khoáng 1	2	0	60	0	0	0	2.(0.4.2)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030428	Thi nghiệm tuyển khoáng 1	8	
52	4030429	Thi nghiệm tuyển khoáng 2	2	0	60	0	0	0	2.(0.4.2)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030429	Thi nghiệm tuyển khoáng 2	8	
III.1.3		Kiến thức chuyên sâu	8										Kiến thức chuyên sâu	8	
III.1.3.1		Chuyên sâu Tuyển quặng	8										Chuyên sâu Tuyển quặng	8	
53	4030405	Hóa tuyển	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030405	Hóa tuyển	2	
54	4030416	Làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030416	Làm giàu nguyên liệu khoáng kim loại	2	
55	4030415	Làm giàu nguyên liệu khoáng không kim loại	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030415	Làm giàu nguyên liệu khoáng không kim loại	2	
56	4030419	Chế biến tinh nguyên liệu khoáng	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030419	Chế biến tinh nguyên liệu khoáng	8	
III.1.3.2		Chuyên sâu Tuyển than	8										Chuyên sâu Tuyển than	8	
57	4030418	Thực tế tuyển than	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030418	Thực tế tuyển than	2	
58	4030409	Tiêu chuẩn phân tích	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030409	Tiêu chuẩn phân tích	2	
59	4030420	Quản lý chất lượng sản phẩm	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030420	Quản lý chất lượng sản phẩm	2	
60	4030421	Chế biến than	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030421	Chế biến than	2	
III.2		Kiến thức chuyên ngành chọn theo	8										Kiến thức chuyên ngành chọn theo	8	
61	4090234	Cơ sở tự động hóa	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	CD	Tự động hóa	4090234	Cơ sở tự động hóa	2	
62	4100165	Quy hoạch mặt bằng công nghiệp	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	XD	Xây dựng CTN & Mỏ	4100165	Quy hoạch mặt bằng công nghiệp	2	
63	4030407	Tự động hóa quá trình tuyển khoáng	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030407	Tự động hóa quá trình tuyển khoáng	2	
64	4030424	Hóa tuyển	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030424	Hóa tuyển	2	
65	4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	2	
66		Kiến thức chuyên ngành chọn theo	8										Kiến thức chuyên ngành chọn theo	8	

67	4070304	Kinh tế và QTDN	3	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	KT	Quản trị kinh doanh	4000001	Kinh tế và QTDN	3
68	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	Mô	Khai thác hầm lò	4000002	Quản trị dự án đầu tư	3
69	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	3	0	0	0	0	0	0	3(3.0.6)	Mô	Khai thác lộ thiên	4000003	Kế toán tài chính	3
70	4010403	Autocad	2	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	KHCB	Hình họa	4000004	Autocad	2
71	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	0	0	0	0	0	0	2(2.0.4)	MT	Môi trường	4000005	Tiếng Anh 3	2
IV		Thực tập tốt nghiệp	8											Thực tập tốt nghiệp	8
71	4030430	Thực tập tham quan	1	15	0	30	0	0	0	1(0.1.2)	Mô	Tuyển khoảng	4030430	Thực tập tham quan	1
72	4030431	Thực tập sản xuất	3	0	45	0	90	0	0	3(0.6.3)	Mô	Tuyển khoảng	4030431	Thực tập sản xuất	3
73	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4	0	60	0	120	0	0	4(0.8.4)	Mô	Tuyển khoảng	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4
V		Đồ án tốt nghiệp	7											Đồ án tốt nghiệp	7
74	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7	0	0	0	0	0	0	105	Mô	Tuyển khoảng	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7
		Tổng cộng	167											Tổng cộng	167

BỘ MÔN

KHOA

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Dung

Phạm Văn Hoa

Số: 1266/QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại - Mã số: 752060702 (ngành Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số: 7520607)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 388/2013/QĐ-ĐTĐH ngày 18/4/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ và Quyết định số 276/QĐ-MĐC ngày 12/3/2015 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo; Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ công văn số 30/MĐC-KM ngày 20/3/2018 của Hội đồng khoa học khoa Mỏ về việc thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Xét đề nghị của Ông Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường khoa Mỏ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra (danh sách kèm theo).

Điều 2. Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo có nhiệm vụ tổ chức triển khai việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra và được hưởng các chế độ theo quy định hiện hành. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Tài vụ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: *ddp*

- Như điều 3 (để t/h);
- Các PHT (để p/hợp chỉ đạo);
- Lưu: HC-TH, ĐTĐH (09)



PGS.TS Lê Hải An

DANH SÁCH
TỔ CÔNG TÁC RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA

(Kèm theo Quyết định số 1266 /QĐ-MĐC ngày 22 tháng 3 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung | Trưởng bộ môn Tuyển khoáng, Tổ trưởng. |
| 2. TS. Trần Trung Tới | Bộ môn Tuyển khoáng, Thư ký. |
| 3. PGS.TS. Phạm Văn Luận | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 4. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 5. ThS. Nguyễn Ngọc Phú | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 6. ThS. Vũ Thị Chinh | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 7. ThS. Phùng Tiến Thuật | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 8. ThS. Trần Văn Được | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 9. ThS. Phạm Thị Nhung | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |

Tổng số: 09 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA MỎ

Số: 30/MĐC-KM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 3 năm 2018

V/v thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh
chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra

Kính gửi: - Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào thông báo số 141/MĐC-ĐTĐH ngày 12/3/2018 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Tuyển khoáng về việc thành lập tổ công tác rà soát cho chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại. Mã số: 752060702 (ngành Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số: 7520607).

Bộ môn Tuyển khoáng đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập tổ công tác rà soát, điều chỉnh Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra:

- | | |
|----------------------------|---------------------------------------|
| 1. PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung | Trưởng bộ môn Tuyển khoáng, Tổ trưởng |
| 2. TS Trần Trung Tới | Bộ môn Tuyển khoáng, Thư ký |
| 2. PGS.TS Phạm Văn Luận | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 3. PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |
| 5. ThS Nguyễn Ngọc Phú | Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên |

6. ThS Vũ Thị Chinh
7. ThS Phùng Tiến Thuật
8. ThS Trần Văn Được
9. ThS Phạm Thị Nhung
Trân trọng ./.

Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên
Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên
Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên
Bộ môn Tuyển khoáng, Thành viên

Hội đồng khoa học Khoa Mỏ



Phạm Văn Hòa

Bộ môn Tuyển khoáng



Như Thị Kim Dung

BIÊN BẢN HỌP BỘ MÔN

Về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học cho chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại – Mã số: 752060702 (ngành Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số: 7520607)

Ngày 10/4/2018, vào lúc 14h00, Bộ môn Tuyển khoáng đã họp về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học chuyên ngành: Tuyển – Luyện quặng kim loại. Mã số: 752060702 (ngành: Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số: 7520607). Thành phần tham dự:

- Các cán bộ tham gia giảng dạy Đại học chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại (ngành Kỹ thuật tuyển khoáng)

- Chủ trì cuộc họp: PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung - Trưởng bộ môn (Tổ trưởng công tác rà soát)

- Thư ký: TS Trần Trung Tới (Thư ký tổ công tác rà soát)

NỘI DUNG:

1. PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung - chủ trì cuộc họp nêu lý do tổ chức cuộc họp.

2. PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung thay mặt Bộ môn Tuyển khoáng trình bày tóm tắt sự cần thiết về việc rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra ở trình độ Đại học.

3. Các thành viên tham dự cuộc họp phát biểu ý kiến:

3.1. PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn

Nhất trí với nội dung chương trình và kế hoạch học tập chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại. Đây là chương trình đào tạo mới được xây dựng, khi xây dựng đã gắn liền với thực tế ngành chế biến khoáng sản của Việt Nam và theo đúng quy định của Bộ Giáo dục. Chuyên ngành này mới có hai khóa và chưa có khóa nào ra trường, do đó theo tôi chưa cần phải thay đổi.

3.2. PGS.TS. Phạm Văn Luận

Đồng ý với ý kiến của PGS.TS. Nguyễn Hoàng Sơn. Nhìn chung, nội dung chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản về khối lượng kiến thức và phù hợp với thực tiễn, trong quá trình xây dựng đã chú trọng đến khối lượng tín chỉ theo quy định của Bộ Giáo Dục, đáp ứng yêu cầu nhu cầu thực tiễn của người học. Nhất trí thông qua chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại năm 2018.

3.3. TS. Trần Trung Tới

Chương trình đào tạo là phù hợp với thực tiễn trong công tác chế biến khoáng sản hiện nay của Việt Nam, giúp sinh viên đủ kiến thức chuyên sâu và kỹ năng mềm sau khi tốt nghiệp. Nhất trí ý kiến của các thầy là giữ nguyên chương trình Đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại năm 2018.

* Các thành viên khác: Về cơ bản đồng ý với nội dung không điều chỉnh, bổ sung của Tổ công tác rà soát, điều chỉnh.

4. Các thành viên trong Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo trả lời và giải đáp các ý kiến về việc điều chỉnh - bổ sung trong chương trình đào tạo.

5. PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung tổng hợp các ý kiến và thống nhất nội dung không điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại năm 2018 và giữ nguyên đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trước khi thông qua Hội đồng Khoa học và đào tạo Khoa, Nhà trường.

Cuộc họp kết thúc hồi 17h00 cùng ngày, biên bản cuộc họp được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

THỦ KÝ CUỘC HỌP



TS Trần Trung Tới

CHỦ TRÌ



PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2018

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO
KHOA MỎ**

*V/v: rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần,
chuẩn đầu ra chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại. Mã số: 752060702
(Ngành Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số: 7520607)*

1. Hội đồng khoa học và Đào tạo khoa Mỏ. Các thành viên kèm theo Quyết định số: /QĐ-MĐC, ngày 12/4/2018 về việc thành lập Hội đồng Khoa học và Đào tạo khoa Mỏ của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

2. Đại diện lãnh đạo Bộ môn Tuyển khoáng

Thời gian: 9h00 ngày tháng năm 2018.

Địa điểm: Phòng họp khoa Mỏ, trường Đại học Mỏ - Địa chất.

NỘI DUNG:

1. PGS.TS. Phạm Văn Hòa - Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa giới thiệu nội dung cuộc họp: Chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại. Mã số: 752060702 - Khoa Mỏ. Chương trình đào tạo của chuyên ngành được xây dựng theo chương trình khung trình độ đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung - Trưởng Bộ môn Tuyển khoáng đại diện cho Bộ môn trình bày chi tiết về nội dung rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại. Mã số: 752060702. Trình bày những nội dung sau:

- Mục tiêu của Chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại: Sự cần thiết đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Thời gian đào tạo 5 năm theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo
- Khối lượng kiến thức toàn khóa (tính bằng số tín chỉ): 164 tín chỉ.
- Đối tượng tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp
- Nội dung chương trình: Kiến thức giáo dục đại cương (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (kiến thức cơ sở ngành bắt buộc, kiến thức chuyên ngành, thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp, đồ án tốt nghiệp).

***CÁC Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG:**

1. PGS.TS. Phạm Văn Hòa – Phó Trưởng Khoa phụ trách khoa Mỏ:

Căn cứ vào phiếu khảo sát tình hình công việc thực tế tại các đơn vị sử dụng các kỹ sư chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại, chương trình đào tạo là phù hợp với yêu cầu thực tế, chủ yếu tập trung giảng dạy các học phần kiến thức đáp ứng yêu cầu thực tế của đơn vị sử dụng lao động.

2. TS. Đỗ Anh Sơn – Phó Trưởng Bộ môn Khai thác hầm lò:

Việc đề xuất chỉnh sửa CTĐT là rất cần thiết và phù hợp với thực tế. Tuy nhiên, chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại là mới được mở, chương trình vẫn đáp ứng được nhu cầu thực tế của các đơn vị sử dụng lao động, do đó tôi nhất trí với ý kiến của Bộ môn.

4. GS.TS. Bùi Xuân Nam - Trưởng bộ môn Khai thác lộ thiên:

Nội dung chương trình có chất lượng tốt, phù hợp với mục tiêu và trình độ đào tạo của Nhà trường. Nội dung chương trình được xây dựng trên cơ sở có sự đầu tư nghiên cứu sâu, rộng nên tương đối toàn diện và đầy đủ.

5. PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn - Bộ môn Tuyển khoáng:

Nội dung chương trình đào tạo đáp ứng tốt các yêu cầu cơ bản về dung lượng kiến thức và phù hợp với thực tiễn, trong quá trình xây dựng đã chú trọng đến khả năng đáp ứng yêu cầu nhu cầu thực tiễn của người học.

6. TS Dương Đức Hùng - Bộ môn Sức bền vật liệu:

Nhất trí với nội dung chương trình và kế hoạch học tập chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại. Nội dung chương trình khá hoàn chỉnh, phù hợp với yêu cầu chung của Bộ Giáo Dục và Đào tạo cũng như của các cơ sở sử dụng lao động tốt nghiệp chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng.

***PHẢN TRẢ LỜI CỦA BỘ MÔN:**

PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung - Trưởng bộ môn

Tổng hợp các ý kiến đóng góp, trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng Khoa khoa Mỏ về báo cáo rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại.

KẾT LUẬN CỦA HỘI ĐỒNG

PGS.TS. Phạm Văn Hòa – Phó Chủ tịch Hội đồng Khoa khoa Mỏ - tổng kết các ý kiến của các thành viên trong Hội đồng và kết luận: Đồng ý với ý kiến không điều chỉnh chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại theo đề xuất của Bộ môn Tuyển khoáng.

Hội đồng Khoa khoa Mở nhất trí thông qua và kính chuyển lên Nhà trường xem xét, ra quyết định.

Biên bản hội thảo được các thành viên tham dự họp nhất trí thông qua.

Buổi hội thảo kết thúc lúc 11h30' cùng ngày.

THƯ KÝ



PGS.TS. Phạm Văn Hòa

CHỦ TỌA



PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung

36267 /QĐ-MĐC

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành
Tuyển - Luyện quặng kim loại - Mã số: 752060702; ngành Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số: 7520607
của Khoa Mỏ - Trường Đại học Mỏ - Địa chất

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-MĐC ngày 22/3/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc thành lập Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra cho chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại - Mã số: 752060702; ngành Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số: 7520607;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Mỏ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại (ngành Kỹ thuật tuyển khoáng) gồm các thành viên trong danh sách kèm theo.

Điều 2. Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ đại học tổ chức thực hiện thẩm định chương trình theo Quy định của Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định hiện hành. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học, Trưởng khoa Mỏ, Trưởng các đơn vị có liên quan và các thành viên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 3 (để t/hiện);
- Lưu: HCTH, ĐTDH₍₀₉₎.



PGS.TS Lê Hải An

**DANH SÁCH HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CHUYÊN NGÀNH TUYỂN - LUYỆN QUẶNG KIM LOẠI - MÃ SỐ: 752060702**

(NGÀNH KỸ THUẬT TUYỂN KHOÁNG - MÃ SỐ: 7520607)

(Kèm theo QĐ số: 1267/QĐ-MĐC ngày 18/4/2018

của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất)

TT	Họ tên	Đơn vị công tác	Nhiệm vụ
1	TS. Đào Duy Anh	Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim	Chủ tịch hội đồng
2	PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung	Trưởng bộ môn Tuyển khoáng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký
3	PGS.TS Phạm Văn Hòa	Phó trưởng Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
4	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên
5	PGS.TS Trần Văn Lùng	Hội Tuyển khoáng Việt Nam	Ủy viên
6	PGS.TS Trần Quốc Lập	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Ủy viên
7	TS. Phạm Thảo	Hội Đúc - Luyện Kim	Ủy viên

Tổng số: 07 cán bộ./.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

KHOA MỎ

Số: **31**/MĐC-KM

*V/v: thành lập Hội đồng thẩm định
chương trình đào tạo trình độ đại học
chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim
loại, Khoa Mỏ - Trường Đại học Mỏ - Địa
chất*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2018

Kính gửi:

- Ban Giám hiệu;
- Phòng Đào tạo Đại học.

Căn cứ Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-TTg ngày 17/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo của hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-MĐC ngày 02/11/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học của Trường Đại học Mỏ - Địa chất;

Căn cứ vào Quyết định số 67/QĐ-MĐC ngày 17/01/2018 về việc thành lập Ban chỉ đạo rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào Quyết định số 88/QĐ-MĐC ngày 22/01/2018 về việc thành lập các Tổ công tác rà soát và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ vào cuộc họp của bộ môn Tuyển khoáng về việc thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo cho chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại - Mã số: 752060702. Bộ môn đề nghị Ban Giám hiệu và phòng Đào tạo Đại học thành lập hội đồng thẩm định với danh sách như sau:

1. TS. Đào Duy Anh	Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ- Luyện kim, Chủ tịch hội đồng
2. PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung	Trưởng bộ môn Tuyển khoáng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Thư ký
3. PGS.TS. Phạm Văn Hòa	Phó Trưởng Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Ủy viên.
4. PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, Ủy viên
5. PGS.TS Trần Văn Lùng	Hội Tuyển khoáng Việt Nam, Ủy viên
6. PGS.TS Trần Quốc Lập	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
7. TS Phạm Thảo	Hội Đúc- Luyện kim

Trân trọng ./.

Hội đồng khoa học Khoa Mỏ


 Phạm Văn Hòa

Bộ môn Tuyển khoáng


PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung

BIÊN BẢN THẨM ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hôm nay, vào lúc ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại phòng C512 Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Hội đồng thẩm định Chương trình Đào tạo Đại học hệ chính quy chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại - Mã số: 752060702 của Trường Đại học Mỏ - Địa chất đã họp, cụ thể như sau:

I. Thành phần Hội đồng thẩm định

TT	Họ tên, học hàm, học vị	Cơ quan công tác	Trách nhiệm trong Hội đồng	Ghi chú
1	TS. Đào Duy Anh	Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ- Luyện kim	Chủ tịch	
2	PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung	Trưởng bộ môn Tuyển khoáng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Thư ký	
3	TS. Phạm Văn Hòa	Phó Trưởng Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên	
4	PGS.TS Nguyễn Đức Khoát	Trưởng phòng Đào tạo Đại học, Trường Đại học Mỏ - Địa chất	Ủy viên	
5	PGS.TS Trần Văn Lùng	Hội Tuyển khoáng Việt Nam	Ủy viên	
6	PGS.TS Trần Quốc Lập	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Ủy viên	
7	TS Phạm Thảo	Hội Đức – Luyện kim Việt Nam	Ủy viên	

II. Nội dung thẩm định

1. PGS.TS Phạm Văn Luận, đại diện Bộ môn Tuyển khoáng báo cáo tóm tắt nội dung quá trình xây dựng và nội dung chương trình đào tạo trình độ đại học hệ chính quy chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại - Mã số: 752060702

2. Ý kiến của các thành viên Hội đồng về chương trình đào tạo

- TS. Đào Duy Anh: Đồng ý với nội dung và hình thức của Chương trình đào tạo, chương trình đã đáp ứng đầy đủ yêu cầu, mục tiêu theo khung đào tạo đại học ngành Kỹ thuật Tuyển khoáng và của Bộ Giáo dục và đào tạo. Tuy nhiên, Bộ môn cần

xem xét cân đối thời lượng kiến thức cơ bản ngành và kiến thức chuyên sâu nhằm phù hợp với yêu cầu thị trường tuyển dụng lao động.

- PGS. TS Trần Quốc Lập: Đồng ý với nội dung chương trình đào tạo và hình thức chương trình đào tạo đã xây dựng. Nếu có thể nên tăng cường thời lượng môn học chuyên ngành để cung cấp thêm kiến thức ngành nghề cho sinh viên.

- PGS.TS Nguyễn Đức Khoát: Chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại đáp ứng đầy đủ yêu cầu, nội dung, cấu trúc chương trình theo yêu cầu của BGD&ĐT đối với ngành Kỹ thuật tuyển khoáng

- PGS.TS. Trần Văn Lùng: Nhất trí với Chương trình đào tạo của Bộ môn Tuyển khoáng về mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo. Chương trình đã đưa nhiều hướng chuyên sâu để tạo cơ hội lựa chọn hướng phát triển phù hợp cho người học.

- Các ý kiến khác: Nhìn chung đều đồng ý với nội dung và hình thức của Chương trình đào tạo trình độ Đại học. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng cần nêu rõ hơn nữa mục tiêu đào tạo cho nhiều đối tượng khác nhau, cần xem xét kênh thông tin về nhu cầu thị trường nhân lực ngành Tuyển - Luyện cũng như xu hướng phát triển để cân đối giữa kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên sâu.

3. Bộ môn trả lời các câu hỏi của thành viên Hội đồng thẩm định

- Bộ môn sẽ tiếp thu ý kiến của các Nhà khoa học để xem xét những bất hợp lý trong Chương trình đào tạo đã xây dựng.

- Bộ môn sẽ kết hợp cùng với Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa Mỏ chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với ngành đào tạo. Đồng thời cùng với các giáo viên chuyên môn ở các tổ học phần sẽ xem xét lại thời lượng phân bổ cho một số học phần nhằm đảm bảo phù hợp với thời lượng cũng như nâng cao sự hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu của sinh viên.

- Bộ môn đánh giá cao sự đóng góp của các đơn vị sản xuất để nâng cao chất lượng của bài giảng, học phần nhằm đảm bảo yêu cầu thực tế.

4. Hội đồng thẩm định họp riêng thảo luận, bầu ban kiểm phiếu, bỏ phiếu kín

Hội đồng đã bầu ra ban kiểm phiếu gồm 3 đồng chí:

TS Phạm Văn Hòa: Trưởng ban kiểm phiếu

PGS.TS Nguyễn Hoàng Sơn: Ủy viên

TS Phạm Thảo: Ủy viên

5. Kết quả thẩm định bằng phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình phát ra: 7 phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình thu về: 7 phiếu

- Phiếu hợp lệ: 7 phiếu

- Phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình đạt yêu cầu: 7 phiếu

- Số phiếu đánh giá Chương trình không đạt yêu cầu: 0 phiếu

6. Kết luận của Hội đồng thẩm định

Đồng ý với Chương trình đào tạo Đại học chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại do Bộ môn Tuyển khoáng đề xuất ở trên. Tuy nhiên, cần chỉnh sửa những hạn chế đã nêu trên.

Phiên họp kết thúc vào hồi

ngày 18 tháng 4 năm 2018

Thư ký Hội đồng

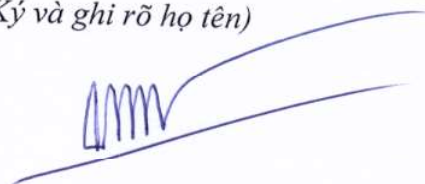
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch Hội đồng

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nhữ Thị Kim Dung



HIỆU TRƯỞNG



PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: **PGS.TS. Trần Văn Lùng**
Chức danh: Phó Giáo sư Năm phong: 2001
Học vị: Tiến Sĩ Năm bảo vệ: 1989
Cơ quan công tác: Hội Tuyển khoáng Việt Nam
Tên chương trình đào tạo: Chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại
Mã số: 752060702
Ngành: Kỹ thuật Tuyển khoáng – Mã số: 7520607
Trình độ: Đại học.
Bộ môn chủ quản: Tuyển khoáng, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

- Nhất trí với Chương trình đào tạo của bộ môn Tuyển khoáng về mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình đào tạo.
- Nội dung trong chương trình đào tạo đã cung cấp được tương đối đầy đủ kiến thức cho một kỹ sư Tuyển - Luyện quặng kim loại, đáp ứng được nhu cầu của xã hội.
- Chương trình đã đưa nhiều hướng chuyên sâu để tạo cơ hội lựa chọn hướng phát triển phù hợp cho người học.

2. Về hình thức chương trình:

- Nhìn chung cấu trúc chương trình khá hợp lý, phù hợp với khung chương trình của Bộ GD&ĐT theo Quy chế đào tạo theo tín chỉ.
- Các học phần được phân phối hợp lý đảm bảo mục tiêu đào tạo và nội dung đào tạo.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại của bộ môn Tuyển khoáng – Trường Đại học Mỏ – Địa chất về cơ bản nội dung đã đảm bảo chất lượng đáp ứng được nhu cầu xã hội.

Hà Nội, Ngày 18 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét ký tên



PGS.TS. Trần Văn Lùng

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: TS Phạm Thảo

Chức vụ: Hội viên, Hội Đức- Luyện kim Việt Nam

Cơ quan công tác: Hội Đức- Luyện kim Việt Nam

Tên chương trình đào tạo: Chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại

Mã số: 752060702

Ngành: Kỹ thuật Tuyển khoáng - Mã số: 7520607

Trình độ: Đại học

Bộ môn chủ quản: Tuyển khoáng, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Ba điểm mạnh của chương trình là: Chương trình đã đáp ứng được nhu cầu của ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại, có mục tiêu đào tạo rõ ràng và phù hợp với chương trình đào tạo theo quy định về giảng dạy, nội dung chương trình có tính hiện đại, hội nhập và phù hợp với sự phát triển chung của Nhà trường cũng như yêu cầu xã hội.

2. Về hình thức chương trình:

Nhìn tổng thể, cấu trúc chung của Chương trình đào tạo được sắp xếp hợp lý của các học phần đảm bảo phù hợp với mục tiêu, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của ngành học.

Thời lượng chung của Chương trình đào tạo là khá phù hợp với chương trình khung của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ.

Phân phối chương trình giữa các học kỳ tương đối hợp lý song giữa một số môn học cần phân phối lại cho hợp lý hơn

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại của Bộ môn Tuyển khoáng, Khoa Mỏ cơ bản đã đảm bảo yêu cầu nhân lực cho xã hội. Chương trình đào tạo này sẽ hoàn chỉnh hơn nữa khi các học phần bổ sung cập nhật được kiến

thức mới, cập nhật được xu thế phát triển ngành nghề của các nước phát triển áp dụng vào giảng dạy tại Việt Nam.

Hà Nội, Ngày 18 tháng 4, năm 2018

Người nhận xét ký tên



TS Phạm Thảo

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS Nhữ Thị Kim Dung
Chức danh: Phó Giáo sư Năm phong: 2016
Học vị: Tiến Sĩ Năm bảo vệ: 2011
Chức vị: Trưởng Bộ môn Tuyển khoáng, Trường Đại học Mỏ - Địa chất
Cơ quan công tác: Bộ môn Tuyển khoáng, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất
Tên chương trình đào tạo: Chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại
Mã số: 752060702
Ngành: Kỹ thuật Tuyển khoáng – Mã số: 7520607
Trình độ: Đại học.
Bộ môn chủ quản: Tuyển khoáng, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Nội dung các học phần của chương trình đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu về kiến thức, kỹ năng cho người học. Đặc biệt chương trình đã mở ra nhiều hướng chuyên sâu tăng sự lựa chọn ngành nghề cho sinh viên.

Về cơ sở vật chất, Bộ môn Tuyển khoáng thừa hưởng những điều kiện sẵn có của trường Đại học Mỏ - Địa chất về các phòng thí nghiệm, trang thiết bị giảng dạy. Do đó Bộ môn có đủ điều kiện để đào tạo kỹ sư Tuyển - Luyện quặng kim loại.

Mục tiêu của chương trình đào tạo: Sau khi tốt nghiệp đại học, các kỹ sư Tuyển - Luyện quặng kim loại có đủ năng lực, trình độ để hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, có khả năng nghiên cứu, thiết kế công nghệ tuyển - luyện, có khả năng điều hành sản xuất của một xưởng tuyển luyện. Ngoài ra còn có thể đảm nhiệm các công tác lấy mẫu kiểm tra chất lượng sản phẩm tại các mỏ, các xưởng tuyển luyện quặng.

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình đào tạo được sắp xếp hợp lý giữa các học phần đảm bảo phù hợp với mục tiêu, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của ngành học. Phân phối chương trình của các học kỳ trong chương trình tương đối hợp lý.

Thời lượng chung của Chương trình đào tạo là phù hợp theo yêu cầu chương trình khung của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo tín chỉ. Phân phối chương trình giữa các học kỳ tương đối hợp lý, tạo điều kiện cho sinh viên lựa chọn các môn học phù hợp và hướng chuyên sâu mong muốn.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại của Bộ môn Tuyển khoáng, Khoa Mỏ cơ bản đã đảm bảo yêu cầu nhân lực cho xã hội. Chương trình đào tạo này sẽ hoàn chỉnh hơn nữa khi các học phần bổ sung cập nhật được kiến thức mới, cập nhật được xu thế phát triển ngành nghề của các nước phát triển áp dụng vào giảng dạy tại Việt Nam.

Hà Nội, Ngày 17 tháng 4 năm 2018
Người nhận xét ký tên



PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát

Chức danh: Phó Giáo sư Năm phong: 2012

Bảo vệ TS năm: 2007

Chức vụ: Trưởng Phòng Đào tạo Đại học

Cơ quan công tác: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Tên chương trình đào tạo: Chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại,

Mã số: 752060702

Ngành: Kỹ thuật Tuyển khoáng - Mã số: 7520607

Trình độ: Đại học

Bộ môn chủ quản: Tuyển khoáng, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ yêu cầu, mục tiêu theo khung đào tạo đại học ngành Tuyển khoáng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nội dung chương trình cung cấp đủ kiến thức và đáp ứng được yêu cầu đào tạo kỹ sư chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại.

Tuy nhiên, Bộ môn cần xem xét cân đối giữa lượng kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên sâu nhằm phù hợp với yêu cầu thị trường tuyển dụng lao động.

2. Về hình thức chương trình:

Nhìn tổng thể, cấu trúc chung của Chương trình đào tạo được sắp xếp hợp lý của các học phần đảm bảo phù hợp với mục tiêu, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của ngành học.

Thời lượng chung của Chương trình đào tạo là khá phù hợp với chương trình khung của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ.

Phân phối chương trình giữa các học kỳ tương đối hợp lý.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại của Bộ môn Tuyển khoáng, Khoa Mỏ cơ bản đã đảm bảo yêu cầu nhân lực cho xã hội. Chương

trình đào tạo này sẽ hoàn chỉnh hơn nữa khi có thêm các nội dung gắn kết hợp cơ sở sản xuất trong vấn đề thực tập, đào tạo thực tế.

Nội, Ngày 17 tháng 4, năm 2018

Người nhận xét ký tên



PGS.TS. Nguyễn Đức Khoát

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: PGS.TS. Phạm Văn Hòa
Chức danh: Phó Giáo sư Năm phong: 2018 Học vị: Tiến Sĩ năm 2011
Chức vụ: Phó Trưởng khoa phụ trách khoa Mỏ
Cơ quan công tác: Trường Đại học Mỏ - Địa chất
Tên chương trình đào tạo: Chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại
Mã số: 752060702;
Ngành: Kỹ thuật Tuyển khoáng - Mã số: 7520607
Trình độ: Đại học
Bộ môn chủ quản: Tuyển khoáng, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Chương trình đào tạo đáp ứng đầy đủ yêu cầu, mục tiêu theo khung đào tạo đại học ngành Tuyển khoáng của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Nội dung chương trình cung cấp đủ kiến thức và đáp ứng được yêu cầu đào tạo kỹ sư chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại.

Tuy nhiên, Bộ môn cần xem xét cân đối giữa lượng kiến thức cơ sở ngành và kiến thức chuyên sâu nhằm phù hợp với yêu cầu thị trường tuyển dụng lao động.

2. Về hình thức chương trình:

Nhìn tổng thể, cấu trúc chung của Chương trình đào tạo được sắp xếp hợp lý của các học phần đảm bảo phù hợp với mục tiêu, kiến thức cơ bản và kiến thức chuyên sâu của ngành học.

Thời lượng chung của Chương trình đào tạo là khá phù hợp với chương trình khung của Bộ GD&ĐT và Quy chế đào tạo theo tín chỉ.

Phân phối chương trình giữa các học kỳ tương đối hợp lý song giữa một số môn học cần phân phối lại cho hợp lý hơn

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại của Bộ môn Tuyển khoáng, Khoa Mỏ cơ bản đã đảm bảo yêu cầu nhân lực cho xã hội. Để chất

PHIẾU NHẬN XÉT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Họ và tên người nhận xét: **TS. Đào Duy Anh**

Học vị: Tiến Sĩ

Năm bảo vệ: 2009

Chức vụ: Viện trưởng Viện Khoa học và Công nghệ Mỏ - Luyện kim

Tên chương trình đào tạo: Chuyên ngành Tuyển - Luyện quặng kim loại.

Mã số: 752060702

Ngành: Kỹ thuật Tuyển khoáng - Mã số: 7520607

Trình độ: Đại học.

Bộ môn chủ quản: Tuyển khoáng, Khoa Mỏ, Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

Ý KIẾN NHẬN XÉT

1. Về chất lượng chương trình:

Về mục tiêu chung: Chương trình đào tạo đã xác định mục tiêu rõ ràng, phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh kinh tế của nước ta hiện nay, khi mà nhu cầu nhân lực cho ngành luyện kim đang thiếu hụt.

Mục tiêu cụ thể: Đã chỉ rõ những yêu cầu đạt được về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, thái độ, kỹ năng ngoại ngữ và tin học. Đây là yếu tố rất cần thiết để phát triển ngành nghề học của mình trong công việc đối với mỗi sinh viên sau khi tốt nghiệp

Nội dung các học phần: Đã chỉ rõ các khối kiến thức đào tạo Đại học theo qui định chung như: Đại cương, cơ sở ngành, và chuyên ngành.

2. Về hình thức chương trình:

Chương trình được cấu trúc gồm các nhóm học phần bắt buộc và học phần tự chọn trong cả khối kiến thức đại cương và chuyên ngành nên có tính mềm dẻo cao.

Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ

Kỹ năng ngoại ngữ, với tiếng Anh yêu cầu theo qui định chuẩn đầu ra của Bộ Giáo dục và đào tạo. Vì thế, có thể bổ sung 1-2 ngoại ngữ khác để sinh viên tự chọn.

Các học phần chuyên ngành nên giảm lý thuyết, tăng đồ án môn học sẽ phù hợp thực tế hơn trong đào tạo hiện nay ở nước ta.

Với các hướng chuyên sâu như trong chương trình đào tạo cơ bản phù hợp với ngành “Kỹ thuật Tuyển khoáng” đang được đào tạo ở các trường ĐH ở Việt Nam. Tuy nhiên cũng cần có thêm tư vấn để sinh viên có cái nhìn rõ hơn về sự khác nhau giữa

các hướng. Từ đó có sự lựa chọn phù hợp

Đề nghị thiết kế chương trình rút gọn về 4 hay 4,5 năm để hòa nhập hơn với các nền giáo dục hiện tại các nước Châu Âu.

Hà Nội, Ngày 18 tháng 4 năm 2018

Người nhận xét ký tên

A handwritten signature in blue ink, consisting of stylized, overlapping loops and a long horizontal stroke extending to the right.

TS. Đào Duy Anh

**BÁO CÁO CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO,
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN, CHUẨN ĐẦU RA**
Chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại. Ngành Kỹ thuật tuyển khoáng.
Trình độ: Đại học

Bộ môn đã thống nhất kế hoạch và quy trình triển khai công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần, chuẩn đầu ra trình độ đại học đảm bảo các yêu cầu của Nhà trường;

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa;

Được sự phân công của lãnh đạo, từ tháng 3 đến tháng 4, Tổ công tác rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo của bộ môn Tuyển khoáng đã thực hiện việc rà soát và chỉnh sửa chương trình đào tạo ngành Tuyển khoáng, trong đó chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại không chỉnh sửa gì.

1. Mục tiêu, nội dung của chương trình đào tạo

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo
1	Không chỉnh sửa		

2. Đề cương chi tiết các học phần

STT	Tên học phần	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa				

3. Chuẩn đầu ra

STT	Nội dung chỉnh sửa	Lý do chỉnh sửa	Các căn cứ đã tham khảo	Ghi chú
1	Không chỉnh sửa			

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH



PGS.TS. Phạm Văn Hòa

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2018

**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐIỀU CHỈNH
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN,
CHUẨN ĐẦU RA**

**Chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại
(ngành: Kỹ thuật tuyển khoáng - Mã số 7520607)**

Trình độ: Đại học

Căn cứ báo cáo tổng hợp kết quả rà soát chương trình đào tạo;

Căn cứ vào biên bản của bộ môn và hội thảo rà soát chương trình của bộ môn; hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản hội đồng khoa học và đào tạo khoa. Bộ môn: Tuyển khoáng báo cáo kết quả rà soát chương trình đào tạo như sau:

Phần I. Nội dung

1. Nội dung, cấu trúc, thời lượng, mức độ liên thông

- Mức độ cập nhật, hội nhập so với các trường trong nước cũng như quốc tế: Chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần của chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại sau khi rà soát, điều chỉnh đã cập nhật, có tính hội nhập trong nước cũng như quốc tế.

- Kết quả rà soát nội dung kiến thức đối với cấu trúc của chương trình đào tạo, các khối kiến thức, các học phần bắt buộc, tự chọn là phù hợp với hiện nay.

- Đánh giá thời lượng của chương trình đào tạo:

Thời lượng đào tạo của chương trình là 5 năm là phù hợp với khối lượng kiến thức được trang bị của người học.

- Đánh giá mức độ liên thông của chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo có tính liên thông giữa các bậc học và các chuyên ngành trong cùng ngành Kỹ thuật tuyển khoáng.

2. Đề cương chi tiết học phần (tóm tắt những điểm lạc hậu hoặc chưa phù hợp)

- Về mục tiêu của học phần:

Mục tiêu của các học phần đưa ra là phù hợp với mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

- Về thời lượng, nội dung kiến thức của học phần:

Thời lượng cũng như nội dung kiến thức của các học phần được phân phối như hiện nay là tương đối phù hợp với mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên các nội dung kiến thức chuyên ngành cần được cập nhật thường xuyên để đáp ứng yêu cầu phát triển của khoa học kỹ thuật chuyên ngành cũng như các lĩnh vực khoa học kỹ thuật khác.

- Tài liệu tham khảo:

Về cơ bản đáp ứng được yêu cầu về tài liệu phục vụ học tập cho các học phần. Tài liệu tham khảo cũng nên được cập nhật thường xuyên phù hợp với sự phát triển của khoa học công nghệ trong lĩnh vực chuyên môn.

3. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

- Mức độ phù hợp với mục tiêu chung của nhà trường:

Mục tiêu đào tạo của chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại hoàn toàn phù hợp với mục tiêu chung của Nhà trường

- Mức độ đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động:

Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại được xây dựng trên cơ sở kết quả khảo sát, đánh giá của người sử dụng lao động nên cơ bản đáp ứng yêu cầu của nhà sử dụng lao động.

Phần II. Tổng hợp ý kiến của các nhà khoa học chuyên môn, giảng viên, cán bộ quản lý, đại diện của các tổ chức xã hội-nghề nghiệp, nhà tuyển dụng lao động và người đã tốt nghiệp

- Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại tương đối phù hợp với thực tế sản xuất.

- Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo của chương trình đào tạo là phù hợp.

- Nên có nhiều học phần đồ án và thực hành cùng thăm quan thực tế để đáp ứng và cập nhật được các kiến thức thực tế cho sinh viên, giúp sinh viên sau khi ra trường có thể nắm bắt được ngay các công việc được giao.

- Nên giảm khối lượng kiến thức đại cương để tăng khối lượng kiến thức chuyên ngành giúp trang bị cho sinh viên nhiều kiến thức chuyên ngành hơn, đáp ứng yêu cầu của công việc sau khi tốt nghiệp.

- Nhà trường nên xây dựng các cơ sở thực tập, thực hành để có thể chủ động hơn trong quá trình bố trí thực tập, thực hành của sinh viên.

Phần III. Kiến nghị

Kiến nghị Ban Giám hiệu, Phòng Đào tạo Đại học được giữ nguyên chương trình đào tạo chuyên ngành Tuyển – Luyện quặng kim loại năm 2016 tiếp tục cho năm 2018.

PHÓ TRƯỞNG KHOA PHỤ TRÁCH



PGS.TS. Phạm Văn Hòa

TRƯỞNG BỘ MÔN



PGS.TS. Nhữ Thị Kim Dung

**BẢNG ĐỐI CHIẾU, SO SÁNH CÁC PHIÊN BẢN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NĂM 2016, NĂM 2018
CHUYÊN NGÀNH: TUYỂN - LUYỆN QUẶNG KIM LOẠI**

STT	Mã MH	Tên MH	TC	Phân bố số tín chỉ				TC	Khoa phụ trách	Bộ môn phụ trách	Mã MH	Tên MH	TC	Nội dung thay đổi
BẠC		CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2016	165	LT	TH+TN	ĐA	TT	LV				CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỌC 2018	165	
I		Kiến thức giáo dục đại cương	54									Kiến thức giáo dục đại cương	54	
1	4020101	Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	48									Kiến thức giáo dục đại cương bắt buộc	48	
		Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	NLCB của CN Mác-Lê Nin	4020101	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 1	2	
2	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	NLCB của CN Mác-Lê Nin	4020102	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lê Nin 2	3	
3	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	Đường lối CM của ĐCSVN	4020301	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	
4	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	60	0	0	0	3.(3.0.6)	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
5	4010601	Tiếng Anh PET1	3	45	90	0	0	0	2.(2.0.4)	Ng ngoại ngữ	4010601	Tiếng Anh PET1	3	
6	4010602	Tiếng Anh PET2	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	Ng ngoại ngữ	4010602	Tiếng Anh PET2	3	
7	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	15	30	0	0	0	3.(3.0.6)	Giáo dục thể chất	4010701	Giáo dục thể chất 1	1	
8	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	15	30	0	0	0	1.(1.0.2)	KHCB	4010702	Giáo dục thể chất 2	1	
9	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	15	30	0	0	0	1.(1.0.2)	KHCB	4010703	Giáo dục thể chất 3	1	
10	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	15	30	0	0	0	1.(1.0.2)	KHCB	4010704	Giáo dục thể chất 4	1	
11	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	15	30	0	0	0	1.(1.0.2)	KHCB	4010705	Giáo dục thể chất 5	1	
12	4020103	Pháp luật đại cương	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Pháp luật	4020103	Pháp luật đại cương	2	
13	4010101	Đại số	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	Toán	4010101	Đại số	3	
14	4010102	Giải tích 1	4	60	120	0	0	0	4.(4.0.8)	Toán	4010102	Giải tích 1	4	
15	4010103	Giải tích 2	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	Toán	4010103	Giải tích 2	3	
16	4010201	Vật lý đại cương 1 + TN	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	Toán	4010201	Vật lý đại cương 1 + TN	3	
17	4010202	Vật lý đại cương 2 + TN	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	KHCB Lý	4010202	Vật lý đại cương 2 + TN	3	
18	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	KHCB Lý	4010301	Hóa học đại cương 1 + TN	3	
19	4080201	Tin học đại cương (dùng cho K. Thuật)	3	45	90	0	0	0	3.(3.0.6)	KHCB Hoá	4080201	Tin học đại cương (dùng cho K. Thuật)	3	
		Giáo dục quốc phòng	3							Tin học cơ bản		Giáo dục quốc phòng	3	
I.2		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6							Khoa giáo dục quốc phòng		Kiến thức giáo dục đại cương tự chọn	6	
20	4010105	Xác suất thống kê	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Toán	4010105	Xác suất thống kê	2	
21	4010309	Hóa hữu cơ phần 1	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Hóa	4010309	Hóa hữu cơ phần 1	2	
22	4010110	Toán tối ưu	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Toán	4010110	Toán tối ưu	2	
23	4010203	Địa chất cơ sở	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	ĐC	4010203	Địa chất cơ sở	2	
24	4010205	Khoa học vật liệu đại cương	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	CB	4010205	Khoa học vật liệu đại cương	2	
25	4010109	Logic đại cương	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB Toán	4010109	Logic đại cương	2	
II		Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	25									Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	25	
26	4010401	Hình học họa hình	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Hình hoạ	4010401	Hình học họa hình	2	
27	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Hình hoạ	4010402	Vẽ kỹ thuật	2	
28	4090413	Thủy lực cơ sở B + TN	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	CB	4090413	Thủy lực cơ sở B + TN	2	
29	4030504	Sức bền vật liệu B + BTL I	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	4030504	Sức bền vật liệu B + BTL I	2	
30	4010303	Hóa vô cơ phần 1 + TN	3	30	60	0	0	0	3.(3.0.6)	KHCB Hóa	4010303	Hóa vô cơ phần 1 + TN	3	

31	4030412	Tin học chuyên ngành	2	30	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030412	Tin học chuyên ngành	2	
32	4090342	Kỹ thuật điện - Điện tử	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	CD	Kỹ thuật điện - Điện tử	4090342	Kỹ thuật điện - Điện tử	3	
33	4090403	Cơ học máy	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	CD	Kỹ thuật Cơ khí	4090403	Cơ học máy	3	
34	4010304	Hóa học vô cơ phần 2	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Hóa	4010304	Hóa học vô cơ phần 2	2	
35	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030422	Cơ sở tuyển khoáng	2	
36	4040313	Tinh thể học - khoáng vật đại cương	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Khoáng thạch	4040313	Tinh thể học - khoáng vật đại cương	2	
III	Kiến thức giáo dục chuyên ngành														
III.1	Kiến thức giáo dục chuyên ngành bắt buộc														
III.1.1	Kiến thức bổ trợ chuyên ngành														
37	4010305	Hoá phân tích phần 1 + TN	3	3	0	0	0	0	3(3.0.6)	KHCB	Hoá	4010305	Hoá phân tích phần 1 + TN	3	
38	4030434	Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật xưởng Tuyển	2	0	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030434	Lấy mẫu kiểm tra kỹ thuật xưởng Tuyển - luyện	2	
39	4030435	Anh văn chuyên ngành Tuyển - Luyện	2	0	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030435	Anh văn chuyên ngành Tuyển - Luyện	2	
40	4030423	An toàn và vệ sinh lao động trong xưởng	2	0	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030423	An toàn và vệ sinh lao động trong xưởng tuyển	2	
41	4030436	Nhiệt ĐH và ĐH các phản ứng tuyển kim	2	0	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030436	Nhiệt ĐH và ĐH các phản ứng tuyển kim	2	
III.1.2	Kiến thức chuyên ngành														
42	4030437	Đập - Nghiền - Sàng - Phân cấp	3	45	90	0	0	0	4(4.0.8)	Mô	Tuyển khoáng	4030437	Đập - Nghiền - Sàng - Phân cấp	3	
43	4030438	Đồ án: Đập - Sàng	1	15	0	45	0	0	1(0.0.3)	Mô	Tuyển khoáng	4030438	Đồ án: Đập - Sàng	1	
44	4030439	Các PP tuyển dựa vào tính chất vật lý	3	45	90	0	0	0	4(4.0.8)	Mô	Tuyển khoáng	4030439	Các PP tuyển dựa vào tính chất vật lý	3	
45	4030404	Tuyển nổi	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	Mô	Tuyển khoáng	4030404	Tuyển nổi	3	
46	4030427	Đồ án Tuyển nổi	1	15	0	45	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030427	Đồ án Tuyển nổi	1	
47	4030440	Lò luyện kim	2	30	60	0	0	0	3(3.0.6)	Mô	Tuyển khoáng	4030440	Lò luyện kim	2	
48	4030441	Đồ án thiết kế lò luyện kim	1	15	0	45	0	0	1(0.0.3)	Mô	Tuyển khoáng	4030441	Đồ án thiết kế lò luyện kim	1	
49	4030459	Hóa luyện	3	45	90	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030459	Hóa luyện	3	
50	4030443	Thủy luyện	3	45	90	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030443	Thủy luyện	3	
51	4030444	Đồ án thủy luyện	1	15	0	45	0	0	1(0.0.3)	Mô	Tuyển khoáng	4030444	Đồ án thủy luyện	1	
52	4030445	Điện phân	3	45	90	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030445	Điện phân	3	
53	4030446	Thí nghiệm 1 (Tuyển khoáng)	1	0	30	0	0	0	1(0.2.1)	Mô	Tuyển khoáng	4030446	Thí nghiệm 1 (Tuyển khoáng)	1	
54	4030447	Thí nghiệm 2 (Thủy luyện - điện phân)	1	0	30	0	0	0	1(0.2.1)	Mô	Tuyển khoáng	4030447	Thí nghiệm 2 (Thủy luyện - điện phân)	1	
55	4030448	Thí nghiệm 3 (hóa luyện)	1	0	30	0	0	0	1(0.2.1)	Mô	Tuyển khoáng	4030448	Thí nghiệm 3 (hóa luyện)	1	
56	4030449	Công nghệ luyện kim loại màu nặng	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	Mô	Tuyển khoáng	4030449	Công nghệ luyện kim loại màu nặng	3	
57	4030450	Công nghệ luyện kim loại màu nhẹ	3	45	90	0	0	0	3(3.0.6)	Mô	Tuyển khoáng	4030450	Công nghệ luyện kim loại màu nhẹ	3	
58	4030451	Công nghệ luyện gang - thép	3	45	60	0	0	0	2.(0.4.2)	Mô	Tuyển khoáng	4030451	Công nghệ luyện gang - thép	3	
III.1.3	Kiến thức chuyên sâu														
III.1.3.1	Kiến thức chuyên sâu Tuyển khoáng kim loại														
59	4030452	Tuyển khoáng kim loại đen	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030452	Tuyển khoáng kim loại đen	2	
60	4030453	Tuyển khoáng kim loại màu và quý hiếm	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030453	Tuyển khoáng kim loại màu và quý hiếm	2	
61	4030406	Khử nước, khử bụi	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030406	Khử nước, khử bụi	2	
62	4030454	Thiết kế xưởng tuyển khoáng	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030454	Thiết kế xưởng tuyển khoáng	2	
III.1.3.2	Kiến thức chuyên sâu Tuyển khoáng kim loại														
63	4030455	Luyện kim loại sạch	2	30	60	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030455	Luyện kim loại sạch	2	

64	4030456	Công nghệ luyện kim hiếm	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoảng	4030456	Công nghệ luyện kim hiếm	2	
65	4030457	Công nghệ luyện và tái chế Vàng	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoảng	4030457	Công nghệ luyện và tái chế Vàng	2	
66	4030458	Thiết kế xưởng luyện kim	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoảng	4030458	Thiết kế xưởng luyện kim	2	
III.2		Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa (chọn 8TC)	8										Kiến thức chuyên ngành chọn theo Khoa (chọn 8TC)		8	
67	4090234	Cơ sở tự động hóa	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	CD	Tự động hóa	4090234	Cơ sở tự động hóa	2	
68	4100165	Quy hoạch mặt bằng công nghiệp	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	XD	Xây dựng CTN & M6	4100165	Quy hoạch mặt bằng công nghiệp	2	
69		Tự động hóa quá trình tuyển khoáng	2									Tuyển khoáng		Tự động hóa quá trình tuyển khoáng	2	
70	4030407			30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô		4030407		2	
71	4030424	Hóa luyện	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Tuyển khoáng	4030424	Hóa luyện	2	
72	4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	2									Tuyển khoáng	4030414	Bảo vệ môi trường trong tuyển khoáng	2	
73	4090539	Máy thủy khí	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	CD	Kỹ thuật Cơ khí	4090539	Máy thủy khí	2	
III.3		Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường (6TC)	8										Kiến thức chuyên ngành chọn theo Trường (6TC)		8	
74	4070304	Kinh tế và QTDN	3	45	90	0	0	0	0	3.(3.0.6)	KT	Quản trị kinh doanh	4070304	Kinh tế và QTDN	3	
75	4070307	Quản trị dự án đầu tư	3	45	90	0	0	0	0	3.(3.0.6)	KT	Quản trị dự án đầu tư	4070307	Quản trị dự án đầu tư	3	
76	4070403	Kế toán tài chính	3	45	90	0	0	0	0	3.(3.0.6)	KT	Kế toán	4070403	Kế toán tài chính	3	
77	4010403	Autocad	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Hình họa	4010403	Autocad	2	
78	4010603	Tiếng Anh 3	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4010603	Tiếng Anh 3	2	
79	4010604	Tiếng Anh 4	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4010604	Tiếng Anh 4	2	
80	4080153	Thiết kế Website	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	CNTT	Mạng Máy tính	4080153	Thiết kế Website	2	
81	4030001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	LLCT	Đường lối CM của ĐCSVN	4000001	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2	
82	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	LLCT	Đường lối CM của ĐCSVN	4000005	Kỹ năng giao tiếp và làm việc theo nhóm	2	
83	4000002	Tâm lý học đại cương	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	LLCT	NLCB của CN Mác-Lê Nin	4000002	Tâm lý học đại cương	2	
84	4000003	Tiếng Việt thực hành	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	LLCT	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4000003	Tiếng Việt thực hành	2	
85	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	LLCT	NLCB của CN Mác-Lê Nin	4000004	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	
86	4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	LLCT		4000006	Kỹ năng tư duy phê phán	2	
87	4020104	Lịch sử Triết học	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	LLCT	Lê Nin	4020104	Lịch sử Triết học	2	
88	4010605	Tiếng Nga 1	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4010605	Tiếng Nga 1	2	
89	4010606	Tiếng Nga 2	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4010606	Tiếng Nga 2	2	
90	4010607	Tiếng Trung 1	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4010607	Tiếng Trung 1	2	
91	4010608	Tiếng Trung 2	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	KHCB	Ngoại ngữ	4010608	Tiếng Trung 2	2	
92	4030222	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Khai thác lộ thiên	4030114	Cơ sở khai thác lộ thiên	2	
93	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	Mô	Khai thác hầm lò	4030222	Cơ sở khai thác hầm lò	2	
94	4040101	Địa chất đại cương	3	45	90	0	0	0	0	2.(2.0.4)	ĐC	Địa chất	4040101	Địa chất đại cương	3	
95	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	ĐC	Địa chất	4040110	Địa mạo cảnh quan	2	
96	4040517	Cơ sở Địa chất công trình - Địa chất thủy văn	3	45	90	0	0	0	0	3.(3.0.6)	ĐC	Địa chất thủy văn	4040517	Cơ sở Địa chất công trình - Địa chất thủy văn	3	
97	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TD)	3	45	90	0	0	0	0	3.(3.0.6)	TD	Trắc địa cao cấp	4050203	Định vị vệ tinh (GPS)-A (cho ngành TD) + BTL	3	
98	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	45	90	0	0	0	0	3.(3.0.6)	TD	Trắc địa ảnh	4050301	Cơ sở hệ thống tin địa lý (GIS)	3	
99	4050302	Cơ sở viễn thám	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	TD	Trắc địa ảnh	4050302	Cơ sở viễn thám	2	
100	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	MT	Kỹ thuật môi trường	4050509	Kỹ thuật môi trường	2	
101	4050526	Trắc địa đại cương	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	TD	Trắc địa mô	4050526	Trắc địa đại cương	2	
102	4060142	Địa vật lý đại cương	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	TD	Địa vật lý	4060142	Địa vật lý đại cương	2	

102	4060339	Cơ sở học hóa dầu	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	DK *	Lọc - Hóa dầu	4060339	Cơ sở học hóa dầu	2	2
103	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	DK	Khoan khai thác	4060402	Kỹ thuật dầu khí đại cương	2	2
104	4070401	Nguyên lý kế toán	3	45	90	0	0	0	0	3.(3.0.6)	KT	Kế toán	4070401	Nguyên lý kế toán	3	3
105	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	CNTT	Công nghệ phần mềm	4080309	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2	2
106	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	MT	MT	4110114	Môi trường và phát triển bền vững	2	2
107	4110130	Địa y học	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	MT	MT	4110130	Địa y học	2	2
108	4110236	Môi trường và con người	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	MT	MT	4110236	Môi trường và con người	2	2
109	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	30	60	0	0	0	0	2.(2.0.4)	XD	Xây dựng CTN & Mỏ	4100167	Cơ sở xây dựng công trình ngầm và mỏ	2	2
IV		Thực tập tốt nghiệp	8											Thực tập tốt nghiệp	8	8
110	4030430	Thực tập tham quan	1	0	15	0	30	0	0	1(0.1.2)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030430	Thực tập tham quan	1	1
111	4030431	Thực tập sản xuất	3	0	45	0	90	0	0	3(0.6.3)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030431	Thực tập sản xuất	3	3
112	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4	0	60	0	120	0	0	4(0.8.4)	Mỏ	Tuyển khoáng	4030432	Thực tập tốt nghiệp	4	4
V		Đồ án tốt nghiệp	7											Đồ án tốt nghiệp	7	7
113	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7	0	0	0	0	0	105		Mỏ	Tuyển khoáng	4030433	Đồ án tốt nghiệp	7	7
		Tổng cộng	165											Tổng cộng	165	165

BỘ MÔN

KHOA

Nguyễn Thị Kim Dung

HIỆU TRƯỞNG *LT*

Phạm Văn Hòa